

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHƯỚC HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /TB-UBND

Phước Hòa, ngày 21 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc Công khai tình hình thực hiện dự toán Ngân sách xã Quý III năm 2024

Thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Thực hiện Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ tình hình kết quả thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2024;

Ủy ban nhân dân xã Phước Hoà thông báo công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý III năm 2024 xã Phước Hoà. Cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện Quý III/2024	Đạt tỷ lệ % (TH/DT)
1	Tổng thu	14.975.000.000	22.503.343.100	150,27
2	Tổng chi	14.975.000.000	16.085.868.000	107,42

(Chi tiết các biểu kèm theo)./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Tuy Phước (b/c);
- Phòng TC-KH huyện Tuy Phước;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Các Ban ngành Đoàn thể của xã;
- Các trường thôn trong xã;
- Đài Truyền thanh xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Thanh Vương

TỈNH BÌNH ĐỊNH
HUYỆN TUY PHƯỚC
XÃ PHƯỚC HÒA

Biểu số 113/CKTC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ QUÍ III NĂM 2024
(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND, ngày 21/10/2024 của UBND xã Phước Hòa)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung thu	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện Quý III năm 2024	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	14.975.000.000	22.503.343.100	150,27
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	1.767.000.000	577.625.000	32,69
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	5.870.000.000	725.739.000	12,36
3	Thu bổ sung	6.460.000.000	17.026.708.000	263,57
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.560.000.000	3.269.000.000	
	- Bổ sung có mục tiêu	1.900.000.000	13.757.708.000	
4	Thu chuyển nguồn, kết dư	878.000.000	4.173.271.100	475,32
II	TỔNG SỐ CHI	14.975.000.000	16.085.868.000	107,42
1	Chi đầu tư phát triển	6.900.000.000	8.602.893.000	124,68
2	Chi thường xuyên	7.925.000.000	5.949.015.000	75,07
3	Dự phòng (Tạm ứng vốn vay NTTS)	150.000.000	1.533.960.000	1.023
4	Chi hoàn trả NS cấp trên			

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÍ III NĂM 2024
(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND, ngày 21/10/2024 của UBND xã Phước Hoà)

DVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024		Ước thực hiện Quý III năm 2024		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Tổng số thu ngân sách xã	22.800.000.000	14.975.000.000	7.355.671.484	22.503.343.100	32,26	150,27
I	Các khoản thu 100%	1.767.000.000	1.767.000.000	0	577.625.000	0,00	32,69
1	Phí, lệ phí	130.000.000	130.000.000		119.434.000		
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.537.000.000	1.537.000.000		243.391.000		
3	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	40.000.000	40.000.000		6.500.000		
4	Thu khác	60.000.000	60.000.000		208.300.000		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	13.695.000.000	5.870.000.000	3.182.400.384	725.739.000	23,24	12,36
1	Các khoản thu phân chia (1)	275.000.000	275.000.000	0	372.140.000		
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	50.000.000	50.000.000		56.028.000		
	Lệ phí trước bạ xe, nhà đất	225.000.000	225.000.000		316.112.000		
2	Các khoản phân chia khác do tỉnh qui định	13.420.000.000	5.595.000.000	3.182.400.384	353.599.000		
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	950.000.000	95.000.000	364.116.910	40.457.000		
	Thuế giá trị gia tăng	5.000.000.000	500.000.000	2.818.283.474	313.142.000		
	Thuế tài nguyên	5.000.000					
	Thuế thu nhập cá nhân	305.000.000					
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	10.000.000					
	Thu khác về thuế						
	Thu tiền sử dụng đất	7.150.000.000	5.000.000.000				
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
III	Thu chuyển nguồn năm trước c/s	878.000.000	878.000.000	4.173.271.100	4.173.271.100	475,32	475,32
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.460.000.000	6.460.000.000	0	17.026.708.000	0,00	263,57
	Thu BS cân đối	4.560.000.000	4.560.000.000		3.269.000.000		
	Thu BS có mục tiêu	1.900.000.000	1.900.000.000		13.757.708.000		

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÍ III NĂM 2024
(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND, ngày 21/10/2024 của UBND xã Phước Hoà)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024			Ước thực hiện Quý III năm 2024			So sánh %		
		Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	Tổng chi	14.975.000.000	6.900.000.000	7.925.000.000	16.085.868.000	8.602.893.000	7.482.975.000	107,42	124,68	94,42
I	Chi đầu tư phát triển(1)	6.900.000.000	6.900.000.000	0	8.602.893.000	8.602.893.000	0	124,68	124,68	
1	Chi đầu tư XD CB	4.760.000.000	4.760.000.000		8.602.893.000	8.602.893.000		180,73	180,73	
2	Chi sự nghiệp từ nguồn ĐGQSDĐ	2.140.000.000	2.140.000.000		0					
II	Chi thường xuyên	7.925.000.000		7.925.000.000	5.949.015.000	0	5.949.015.000	75,07		75,07
1	Chi công tác dân quân tự vệ trật tự an toàn xã hội	789.000.000		789.000.000	656.558.000		656.558.000	83,21		83,21
1.1	- Chi dân quân tự vệ	550.000.000		550.000.000	362.137.000		362.137.000	65,84		65,84
1.2	- Chi trật tự an toàn xã hội	239.000.000		239.000.000	294.421.000		294.421.000	123,19		123,19
2	Chi văn hóa thông tin	150.000.000		150.000.000	27.906.000		27.906.000	18,60		18,60
3	Chi phát thanh, truyền thanh	129.000.000		129.000.000	56.190.000		56.190.000	43,56		43,56
4	Chi thể dục thể thao	20.000.000		20.000.000	52.330.000		52.330.000	261,65		261,65
5	Chi bảo vệ môi trường	350.000.000		350.000.000	446.213.000		446.213.000	127,49		127,49
6	Chi các hoạt động kinh tế	720.000.000		720.000.000	103.435.000	0	103.435.000	14,37		14,37
6.1	- Giao thông	50.000.000		50.000.000	1.600.000		1.600.000	3,20		3,20
6.2	- Thủy lợi	50.000.000		50.000.000	32.000.000		32.000.000			64,00
6.3	- Nông, lâm, thủy lợi, hải sản, thú y	100.000.000		100.000.000	69.835.000		69.835.000	69,84		69,84
6.4	- Kiến thiết thị chính	520.000.000		520.000.000	0					-
6.5	- Thương mại, du lịch	0			0					
6.6	- Các hoạt động kinh tế khác	0			0					
7	Chi QLNN, Đảng, Đoàn thể	5.600.000.000		5.600.000.000	4.037.395.000	0	4.037.395.000	72,10		72,10
	Trong đó: Quỹ lương	4.381.000.000		4.381.000.000	2.204.481.000		2.204.481.000	50,32		50,32
7.1	Quản lý Nhà nước	3.141.000.000		3.141.000.000	2.161.252.000		2.161.252.000	68,81		68,81
7.2	Đảng Cộng sản Việt Nam	879.000.000		879.000.000	712.100.000		712.100.000	81,01		81,01
7.3	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	560.000.000		560.000.000	414.932.000		414.932.000	74,10		74,10
7.4	Đoàn thanh niên cộng sản HCM	237.000.000		237.000.000	207.953.000		207.953.000	87,74		87,74
7.5	Hội liên hiệp phụ nữ	216.000.000		216.000.000	178.876.000		178.876.000	82,81		82,81
7.6	Hội Nông dân	248.000.000		248.000.000	184.856.000		184.856.000	74,54		74,54
7.7	Hội Cựu chiến binh	205.000.000		205.000.000	84.486.000		84.486.000	41,21		41,21
7.8	Hội chữ thập đỏ	32.000.000		32.000.000	30.510.000		30.510.000	95,34		95,34
7.9	Hội Người cao tuổi	33.000.000		33.000.000	19.440.000		19.440.000	58,91		58,91
7.10	Hội Khuyến học	26.000.000		26.000.000	26.790.000		26.790.000	103,04		103,04
7.11	Hội Cựu tù chính trị	23.000.000		23.000.000	16.200.000		16.200.000	70,43		70,43

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024			Ước thực hiện Quý III năm 2024			So sánh %		
		Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
7.12	Hội Cựu thanh niên xung phong	0			0					
8	Chi công tác xã hội	141.000.000		141.000.000	568.988.000	0	568.988.000	403,54		403,54
8.1	- Thăm hỏi gia đình chính sách	87.000.000		87.000.000	0			-		-
8.2	- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa	0			0					
8.3	- Trợ cấp xã hội	18.000.000		18.000.000	391.970.000		391.970.000			
8.4	- Khác	36.000.000		36.000.000	177.018.000		177.018.000			
9	Chi khác	26.000.000		26.000.000	0			-		-
III	Dự phòng chi (tạm ứng ngân sách)	150.000.000		150.000.000	1.533.960.000		1.533.960.000			
IV	Chi hoàn trả NS cấp trên				0					